

Số: /2021/NĐ-CP

Hà Nội, ngày tháng năm 2021

**DỰ THẢO 2**

**NGHỊ ĐỊNH**

**Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 40/2018/NĐ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ về quản lý hoạt động kinh doanh theo phương thức đa cấp**

*Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật đầu tư ngày 17 tháng 6 năm 2020;*

*Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Công Thương;*

*Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 40/2018/NĐ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ về quản lý hoạt động kinh doanh theo phương thức đa cấp (Nghị định số 40/2018/NĐ-CP).*

**Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 40/2018/NĐ-CP**

1. Sửa đổi khoản 2 Điều 3 như sau:

*“2. Doanh nghiệp bán hàng đa cấp là doanh nghiệp đã được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp để tổ chức hoạt động kinh doanh theo phương thức đa cấp.”*

2. Bổ sung khoản 8, khoản 9 Điều 3 như sau:

*“8. Hội nghị, hội thảo, đào tạo là hoạt động có nhiều người tham gia có nội dung liên quan đến hoạt động bán hàng đa cấp;*

*9. Bảo trợ quốc tế trong hoạt động bán hàng đa cấp là việc một người tham gia bán hàng đa cấp ở Việt Nam giới thiệu, tuyển dụng, chỉ định một người ở quốc gia khác vào hệ thống tuyển dưới của mình.”*

3. Sửa đổi, bổ sung Điều 6 như sau:

**“Điều 6. Đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp**

*Hoạt động bán hàng đa cấp phải được đăng ký theo quy định của Nghị định này. Doanh nghiệp vi phạm quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều 5 Nghị định này không được xem xét cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp theo quy định tại Nghị định này.”*

4. Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 1 Điều 7 như sau:

*“c) Thành viên hợp danh đối với công ty hợp danh, chủ sở hữu đối với doanh nghiệp tư nhân hoặc công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, thành viên đối với công ty trách nhiệm hữu hạn có từ hai thành viên trở lên, cổ đông sáng lập đối với công ty cổ phần, người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp không bao gồm tổ chức hoặc cá nhân từng giữ một trong các chức vụ nêu trên tại doanh nghiệp bán hàng đa cấp đã bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp theo quy định của Nghị định 42/2014/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ về quản lý hoạt động bán hàng đa cấp và Nghị định này trong thời gian doanh nghiệp đó đang hoạt động bán hàng đa cấp;”*

5. Bổ sung điểm h khoản 1 Điều 7 như sau:

*“h) Nhà đầu tư nước ngoài thành lập doanh nghiệp hoặc góp vốn, mua cổ phần, phần vốn góp tại doanh nghiệp có đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp ở Việt Nam phải có thời gian hoạt động bán hàng đa cấp tối thiểu là 03 năm liên tục ở một quốc gia khác trên thế giới.”*

6. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 9 như sau:

*“3. 01 bản danh sách kèm theo bản sao giấy tờ chứng thực cá nhân hợp lệ (chứng minh nhân dân hoặc căn cước công dân hoặc hộ chiếu đối với cá nhân có quốc tịch Việt Nam; hộ chiếu và giấy tờ cư trú hợp pháp do cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cấp đối với người nước ngoài thường trú tại Việt Nam; hộ chiếu đối với người nước ngoài không thường trú tại Việt Nam) của những người nêu tại điểm c khoản 1 Điều 7 Nghị định này.*

*01 bản sao giấy tờ pháp lý về việc thành lập tổ chức trong trường hợp là tổ chức.”*

7. Sửa đổi, bổ sung khoản 7 Điều 9 như sau:

*“7. Tài liệu giải trình kỹ thuật về hệ thống công nghệ thông tin quản lý mạng lưới người tham gia bán hàng đa cấp đáp ứng quy định tại Điều 44 Nghị định này, trong đó phải bao gồm các thông tin cơ bản sau:*

*a) Địa chỉ IP máy chủ và địa điểm đặt máy chủ vật lý;*

*b) Cơ chế vận hành của hệ thống, bao gồm thông tin mô tả hệ thống, cách thức nhập và lưu trữ dữ liệu, cách thức quản trị dữ liệu;*

*c) Các thông tin tại Điều 44 Nghị định này.”*

8. Bổ sung khoản 10 Điều 9 như sau:

*“10. Tài liệu chứng minh điều kiện quy định tại điểm h khoản 1 Điều 7 Nghị định này trong trường hợp là doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài.”*

9. Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 1 Điều 10 như sau:

*“a) Doanh nghiệp đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp nộp 01 bộ hồ sơ quy định tại Điều 9 Nghị định này (kèm theo bản điện tử định dạng ".doc" đối với giấy tờ quy định tại khoản 4 Điều 9 Nghị định này và định dạng ".xls" đối với tài liệu quy định tại khoản 5 Điều 9 Nghị định này) tới Bộ Công Thương (gửi trực tiếp hoặc qua đường bưu điện);”*

10. Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 3 Điều 12 như sau:

*“b) Trường hợp cần cung cấp thông tin hoặc sửa đổi, bổ sung đối với văn bản thông báo của doanh nghiệp nêu tại điểm a Khoản này, Bộ Công Thương thông báo cho doanh nghiệp trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ. Trường hợp doanh nghiệp không cung cấp thông tin, sửa đổi, bổ sung hồ sơ theo thời hạn Bộ Công Thương yêu cầu hoặc hồ sơ của doanh nghiệp không đáp ứng quy định, Bộ Công Thương thông báo trả lại hồ sơ cho doanh nghiệp bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do trả lại.*

*Doanh nghiệp được phép áp dụng danh mục hàng hóa kinh doanh theo phương thức đa cấp nếu Bộ Công Thương không có yêu cầu nào đối với văn bản thông báo nêu tại điểm a Khoản này trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ;”*

11. Sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 14 như sau:

*“4. Hồ sơ đề nghị gia hạn giấy chứng nhận đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp bao gồm:*

*a) Đơn đề nghị gia hạn giấy chứng nhận đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp theo Mẫu số 05 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này kèm theo bản chính giấy chứng nhận đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp;*

*b) Các tài liệu quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 9 Nghị định này;*

*c) Các tài liệu quy định tại khoản 4, khoản 5, khoản 6, khoản 7, khoản 8 và khoản 9 Điều 9 Nghị định này trong trường hợp có thay đổi so với lần sửa đổi, bổ sung giấy chứng nhận đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp gần nhất.*

*d) Văn bản giải trình, tài liệu chứng minh việc đáp ứng các điều kiện quy định tại Điều 7 Nghị định này.”*

12. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 18 như sau:

*“1. Trường hợp doanh nghiệp tự chấm dứt hoạt động bán hàng đa cấp:*

*a) Hồ sơ thông báo chấm dứt hoạt động bán hàng đa cấp bao gồm:*

- Thông báo chấm dứt hoạt động bán hàng đa cấp theo Mẫu số 06 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này;

- Báo cáo theo Mẫu số 15a tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này;

- 01 bản sao giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp điều chỉnh lần gần nhất hoặc giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương;

- 01 bản chính giấy chứng nhận đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp;

- 01 bản sao quyết định về việc chấm dứt hoạt động bán hàng đa cấp của chủ doanh nghiệp tư nhân hoặc chủ sở hữu công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên; quyết định và biên bản họp về việc chấm dứt hoạt động bán hàng đa cấp của hội đồng thành viên nếu là công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, của đại hội đồng cổ đông nếu là công ty cổ phần, của các thành viên hợp danh nếu là công ty hợp danh;

b) Trình tự, thủ tục chấm dứt hoạt động bán hàng đa cấp:

- Doanh nghiệp nộp hồ sơ thông báo chấm dứt hoạt động bán hàng đa cấp tới Bộ Công Thương (gửi trực tiếp hoặc qua đường bưu điện);

- Trường hợp có yêu cầu sửa đổi, bổ sung, Bộ Công Thương ban hành thông báo sửa đổi, bổ sung trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ. Thời hạn sửa đổi, bổ sung là 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo.

Trường hợp doanh nghiệp không sửa đổi, bổ sung hồ sơ đúng thời hạn hoặc hồ sơ của doanh nghiệp không đáp ứng quy định, Bộ Công Thương thông báo trả lại hồ sơ cho doanh nghiệp bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do trả lại hồ sơ.

- Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ thông báo chấm dứt hoạt động bán hàng đa cấp hợp lệ, Bộ Công Thương ban hành văn bản xác nhận tiếp nhận hồ sơ thông báo chấm dứt hoạt động bán hàng đa cấp, thông báo cho các Sở Công Thương trên toàn quốc theo một trong các phương thức quy định tại khoản 5 Điều 10 Nghị định này và công bố trên trang thông tin điện tử của Bộ Công Thương.”

13. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 20 như sau:

“2. Trường hợp không có trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện tại địa phương, doanh nghiệp bán hàng đa cấp có trách nhiệm ủy quyền cho một cá nhân cư trú tại địa phương làm người đại diện tại địa phương để thay mặt doanh nghiệp làm việc với các cơ quan quản lý nhà nước tại địa phương đó. Người đại diện của doanh nghiệp bán hàng đa cấp tại địa phương phải đáp ứng các điều kiện sau:

a) Đã được cấp xác nhận kiến thức pháp luật về bán hàng đa cấp;

*b) Có đủ thẩm quyền và trách nhiệm đại diện cho doanh nghiệp bán hàng đa cấp để làm việc, cung cấp thông tin, tài liệu liên quan đến hoạt động bán hàng đa cấp của doanh nghiệp tại địa phương theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước về kinh doanh theo phương thức đa cấp.”*

14. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 và khoản 3 Điều 21 như sau:

*“1. Hồ sơ đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp tại địa phương bao gồm:*

*a) Đơn đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp tại địa phương theo Mẫu số 07 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này;*

*b) 01 bản sao giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương;*

*c) 01 bản sao giấy chứng nhận đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp;*

*d) 01 bản sao giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh (nếu có)*

*Trường hợp không có chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh tại địa phương, doanh nghiệp cung cấp các giấy tờ liên quan đến người đại diện tại địa phương, bao gồm: 01 bản sao được chứng thực chứng minh nhân dân/căn cước công dân hoặc hộ chiếu; 01 bản sao chứng thực xác nhận kiến thức pháp luật về bán hàng đa cấp; 01 văn bản ủy quyền cho người đại diện tại địa phương quy định thẩm quyền, trách nhiệm của người đại diện doanh nghiệp tại địa phương.*

*3. Trường hợp hồ sơ chưa đảm bảo tính đầy đủ, hợp lệ, trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, Sở Công Thương thông báo cho doanh nghiệp sửa đổi, bổ sung hồ sơ. Thời hạn sửa đổi, bổ sung hồ sơ không quá 15 ngày làm việc kể từ ngày Sở Công Thương ban hành thông báo. Sở Công Thương trả lại hồ sơ trong trường hợp doanh nghiệp không sửa đổi, bổ sung hồ sơ trong thời hạn nêu trên.*

*Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, Sở Công Thương gửi cho doanh nghiệp văn bản xác nhận đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp tại địa phương theo Mẫu số 08 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này. Trường hợp từ chối xác nhận, Sở Công Thương có trách nhiệm trả lời bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do từ chối.”*

15. Bổ sung khoản 3 Điều 24 như sau:

*“3. Doanh nghiệp không cần thực hiện thủ tục chấm dứt hoạt động bán hàng đa cấp tại địa phương trong trường hợp chấm dứt hoạt động bán hàng đa cấp trên phạm vi toàn quốc.”*

16. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 26 như sau:

*“2. Trường hợp hội nghị, hội thảo, đào tạo về bán hàng đa cấp có sự tham dự của từ 50 người trở lên hoặc có sự tham dự của từ 30 người tham gia bán hàng đa cấp trở lên, doanh nghiệp bán hàng đa cấp có trách nhiệm thông báo tới Sở Công Thương tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trước khi thực hiện.”*

17. Sửa đổi, bổ sung Điều 27 như sau:

***“Điều 27. Hồ sơ, trình tự, thủ tục thông báo tổ chức hội nghị, hội thảo, đào tạo về bán hàng đa cấp***

*1. Hồ sơ thông báo tổ chức hội nghị, hội thảo, đào tạo về bán hàng đa cấp bao gồm:*

*a) Thông báo tổ chức hội nghị, hội thảo, đào tạo theo Mẫu số 12 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này;*

*b) Các nội dung chi tiết, tài liệu trình bày tại hội thảo, số lượng người tham gia dự kiến;*

*c) Danh sách báo cáo viên tại hội nghị, hội thảo, đào tạo kèm theo hợp đồng thuê khoán của doanh nghiệp, trong đó quy định rõ quyền hạn, trách nhiệm, nội dung báo cáo của báo cáo viên;*

*d) 01 bản chính văn bản ủy quyền trong trường hợp doanh nghiệp ủy quyền cho cá nhân thực hiện đào tạo hoặc tổ chức hội nghị, hội thảo.*

*2. Doanh nghiệp bán hàng đa cấp có thể thông báo về việc tổ chức nhiều hội nghị, hội thảo, đào tạo về bán hàng đa cấp trong cùng một văn bản thông báo nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày nộp hồ sơ thông báo.*

*3. Doanh nghiệp bán hàng đa cấp nộp hồ sơ thông báo tổ chức hội nghị, hội thảo, đào tạo về bán hàng đa cấp tới Sở Công Thương (gửi trực tiếp hoặc qua đường bưu điện) ít nhất 15 ngày làm việc trước ngày dự kiến thực hiện.*

*4. Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ, trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Sở Công Thương thông báo bằng văn bản để doanh nghiệp sửa đổi, bổ sung. Thời hạn sửa đổi, bổ sung là 10 ngày làm việc kể từ ngày Sở Công Thương ban hành thông báo.*

*5. Doanh nghiệp được phép tổ chức hội nghị, hội thảo, đào tạo nếu trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày Sở Công Thương nhận được thông báo, Sở Công Thương không có yêu cầu sửa đổi, bổ sung.*

*6. Khi có thay đổi thông tin trong hồ sơ thông báo tổ chức hội nghị, hội thảo, đào tạo, doanh nghiệp có trách nhiệm thông báo bằng văn bản tới Sở Công Thương ít nhất 05 ngày làm việc trước ngày dự kiến thực hiện.*

*7. Trường hợp đã thông báo tổ chức hội nghị, hội thảo, đào tạo với Sở Công Thương nhưng không thực hiện, doanh nghiệp có trách nhiệm thông báo*

*bằng văn bản hoặc thư điện tử tới Sở Công Thương trước ngày dự kiến tổ chức trong hồ sơ thông báo.”*

18. Sửa đổi, bổ sung Điều 31 như sau:

**“Điều 31. Chương trình đào tạo cơ bản**

*1. Chương trình đào tạo cơ bản là chương trình đào tạo bắt buộc dành cho người tham gia bán hàng đa cấp.*

*Chương trình đào tạo cơ bản phải đáp ứng nội dung quy định tại khoản 2 Điều này và có cơ chế đánh giá việc hoàn thành chương trình đào tạo cơ bản phù hợp với nội dung và phương thức đào tạo.*

*2. Nội dung đào tạo cơ bản bao gồm các nội dung sau:*

*a) Pháp luật về bán hàng đa cấp;*

*b) Các chuẩn mực đạo đức trong hoạt động bán hàng đa cấp;*

*c) Các nội dung cơ bản của hợp đồng tham gia bán hàng đa cấp, quy tắc hoạt động và kế hoạch trả thưởng.*

*3. Thời lượng đào tạo tối thiểu là 06 giờ, không bao gồm thời lượng đánh giá việc hoàn thành.”*

19. Bổ sung khoản 3a Điều 36 như sau:

*“3a. Trường hợp có thay đổi thông tin trong hồ sơ đề nghị công nhận chương trình đào tạo kiến thức pháp luật về bán hàng đa cấp đã được công nhận, cơ sở đào tạo phải thông báo cho Bộ Công Thương bằng văn bản.”*

20. Bổ sung khoản 5 Điều 41 như sau:

*“5. Thực hiện nghĩa vụ với ngân sách nhà nước đối với khoản thu nhập từ hoạt động bán hàng đa cấp theo quy định của pháp luật.”*

21. Sửa đổi, bổ sung Điều 43 như sau:

**“Điều 43. Kế hoạch trả thưởng**

*1. Kế hoạch trả thưởng phải quy định rõ điều kiện đạt được, hoa hồng, tiền thưởng và lợi ích kinh tế khác chi trả từng cấp bậc, danh hiệu người tham gia bán hàng đa cấp; vấn đề bảo trợ quốc tế (nếu có).*

*2. Kế hoạch trả thưởng phải đảm bảo tổng hoa hồng, tiền thưởng và lợi ích kinh tế khác chi trả cho người tham gia trên cơ sở kết quả bán hàng của người đó tối thiểu bằng 20% tổng số hoa hồng, tiền thưởng và lợi ích kinh tế khác mà doanh nghiệp chi trả cho người tham gia trong một năm.*

*3. Doanh nghiệp bán hàng đa cấp tại Việt Nam có thể cho phép người tham gia bán hàng đa cấp tại Việt Nam bảo trợ quốc tế đối với người tham gia ở nước ngoài nếu đáp ứng các điều kiện sau:*

a) Doanh nghiệp bán hàng đa cấp tại Việt Nam không được sử dụng doanh số của người tham gia bán hàng đa cấp tại Việt Nam phát sinh từ hệ thống tuyển dưới ở nước ngoài để tính thành tích, cấp bậc và làm căn cứ chi trả hoa hồng cho người tham gia bán hàng đa cấp tại Việt Nam;

b) Doanh nghiệp bán hàng đa cấp tại Việt Nam không được chi trả hoa hồng, tiền thưởng và các lợi ích kinh tế khác cho người tham gia bán hàng đa cấp phát sinh từ hoạt động của hệ thống tuyển dưới bên ngoài lãnh thổ Việt Nam;

c) Doanh nghiệp bán hàng đa cấp tại Việt Nam có trách nhiệm cung cấp danh sách những người tham gia bán hàng đa cấp thực hiện hoạt động bảo trợ quốc tế cho cơ quan quản lý có thẩm quyền tại báo cáo định kỳ.

Doanh nghiệp bán hàng đa cấp tại Việt Nam không được cho phép người tham gia bán hàng đa cấp ở Việt Nam được bảo trợ bởi người tham gia bán hàng đa cấp ở nước ngoài.”

22. Sửa đổi, bổ sung điểm d khoản 2 Điều 44 như sau:

“d) Thống kê hoa hồng, tiền thưởng và lợi ích kinh tế khác của người tham gia bán hàng đa cấp.”

23. Bổ sung khoản 2a Điều 44 như sau:

“2a. Các thông tin tại điểm a, điểm b và điểm c khoản 2 Điều này phải được cung cấp ngay khi phát sinh giao dịch. Thông tin tại điểm d khoản 2 Điều này phải được cung cấp trong vòng 01 ngày kể từ thời điểm kết thúc kỳ tính thưởng cho người tham gia.”

24. Sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 49 như sau:

“4. Trước ngày 10 hàng tháng, doanh nghiệp bán hàng đa cấp có trách nhiệm gửi tới Sở Công Thương nơi doanh nghiệp đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp (gửi trực tiếp, qua đường bưu điện hoặc qua thư điện tử) danh sách người tham gia bán hàng đa cấp cư trú tại địa phương của tháng trước đó (ghi rõ: Họ tên, ngày tháng năm sinh, địa chỉ nơi cư trú (thường trú hoặc tạm trú trong trường hợp không cư trú tại nơi thường trú), số chứng minh nhân dân hoặc số căn cước công dân hoặc số hộ chiếu, số hợp đồng tham gia bán hàng đa cấp, mã số người tham gia, điện thoại liên hệ của người tham gia bán hàng đa cấp).”

25. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 50 như sau:

“1. Tiền ký quỹ là khoản tiền đảm bảo việc thực hiện các nghĩa vụ của doanh nghiệp bán hàng đa cấp đối với người tham gia bán hàng đa cấp và Nhà nước trong các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 53 Nghị định này.

Nghĩa vụ của doanh nghiệp bán hàng đa cấp đối với người tham gia bán hàng đa cấp là các nghĩa vụ phát sinh từ hoạt động bán hàng đa cấp hợp pháp, bao gồm nghĩa vụ trả thưởng theo kế hoạch trả thưởng, nghĩa vụ mua lại hàng



*hóa nếu người tham gia trả lại hàng theo đúng quy định, nghĩa vụ trả lại tiền trong trường hợp quy định tại Điều 46 Nghị định này.”*

26. Sửa đổi điểm a khoản 1 Điều 53 như sau:

*a) Doanh nghiệp bán hàng đa cấp chấm dứt hoạt động bán hàng đa cấp theo quy định tại khoản 1 Điều 17 Nghị định này nhưng không thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ liên quan đến hoạt động bán hàng đa cấp đối với người tham gia bán hàng đa cấp và có bản án có hiệu lực pháp luật của tòa án có thẩm quyền về việc xử lý các tranh chấp giữa doanh nghiệp bán hàng đa cấp với người tham gia bán hàng đa cấp liên quan đến các nghĩa vụ đó;*

27. Sửa đổi khoản 1 Điều 55 như sau:

*“1. Các bộ, cơ quan ngang bộ trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm thực hiện thanh tra, kiểm tra, xử lý hoạt động kinh doanh theo phương thức đa cấp bị cấm thuộc phạm vi thẩm quyền và phối hợp với Bộ Công Thương thực hiện quản lý nhà nước về hoạt động kinh doanh theo phương thức đa cấp”.*

28. Sửa đổi, bổ sung điểm g khoản 1 Điều 56 như sau:

*“g) Báo cáo theo định kỳ hàng năm trước ngày 15 tháng 02 hoặc đột xuất với Bộ Công Thương về công tác quản lý hoạt động bán hàng đa cấp trên địa bàn theo mẫu số ... ban hành kèm theo Nghị định này;”*

29. Bổ sung Mẫu số 19 kèm theo Nghị định này.

## **Điều 2. Điều khoản chuyển tiếp**

*1. Trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực, các doanh nghiệp bán hàng đa cấp đang hoạt động theo quy định của Nghị định số 42/2014/NĐ-CP có trách nhiệm đáp ứng các điều kiện về hoạt động bán hàng đa cấp theo quy định của Nghị định này.*

*2. Trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực, các doanh nghiệp bán hàng đa cấp đã được cấp xác nhận đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp tại địa phương có trách nhiệm đáp ứng điều kiện đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp tại địa phương theo quy định của Nghị định này.*

*3. Điều kiện, hồ sơ, trình tự, thủ tục rút và sử dụng tiền ký quỹ của các doanh nghiệp bán hàng đa cấp đã được cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp theo quy định của Nghị định số 42/2014/NĐ-CP thực hiện theo quy định của Nghị định này.*

*4. Việc rút và sử dụng tiền ký quỹ của các doanh nghiệp bán hàng đa cấp đã được cấp giấy đăng ký tổ chức bán hàng đa cấp theo quy định của Nghị định số 110/2005/NĐ-CP ngày 24 tháng 8 năm 2005 của Chính phủ về quản lý hoạt động bán hàng đa cấp thực hiện tại Sở Công Thương theo hồ sơ, trình tự, thủ tục tương ứng quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 52 và Điều 53 Nghị định này.*

### **Điều 3. Điều khoản thi hành**

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ... tháng ... năm 2022.

2. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./

#### ***Nơi nhận:***

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP ;
- HĐND, UBND các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng phát triển Việt Nam;
- UBTW Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN,Trợ lý TTCP, Công TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: Văn thư, KTTH (3b). xh 300

**TM. CHÍNH PHỦ  
THỦ TƯỚNG**

**Phạm Minh Chính**

## PHỤ LỤC

(Kèm theo Nghị định số .../NĐ-CP ngày ... tháng ... năm 2021 của Chính phủ)

UBND.....  
SỞ CÔNG THƯƠNG

Mẫu số 19  
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ...../.....

....., ngày ..... tháng .... năm .....

## BÁO CÁO

**Công tác quản lý hoạt động kinh doanh theo phương thức đa cấp**

**Kỳ báo cáo: năm.....**

**Kính gửi:** Cục Cảnh tranh và Bảo vệ người tiêu dùng – Bộ Công Thương

Sở Công Thương ..... tổng hợp thông tin báo cáo định kỳ về công tác quản lý hoạt động bán hàng đa cấp năm ..... trên địa bàn....., như sau:

### **I. Tình hình hoạt động của doanh nghiệp bán hàng đa cấp trên địa bàn**

*(Tổng hợp số lượng doanh nghiệp bán hàng đa cấp đang hoạt động tại địa phương, kết quả hoạt động kinh doanh theo phương thức đa cấp của doanh nghiệp theo biểu mẫu tại Phụ lục I, Phụ lục II kèm theo).*

### **II. Kết quả thực hiện công tác quản lý trên địa bàn**

2.1. Công tác hoàn thiện khuôn khổ pháp lý về quản lý hoạt động kinh doanh theo phương thức đa cấp tại địa phương

2.2. Công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật kinh doanh theo phương thức đa cấp tại địa phương

2.3. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động bán hàng đa cấp tại địa phương

*(Tổng hợp số lượng hội nghị, hội thảo, đào tạo của doanh nghiệp bán hàng đa cấp theo biểu mẫu tại Phụ lục III kèm theo).*

2.4. Kết quả công tác thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm trong hoạt động kinh doanh theo phương thức đa cấp tại địa phương.

*(Tổng hợp kết quả thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm trong hoạt động kinh doanh theo phương thức đa cấp theo biểu mẫu tại Phụ lục IV kèm theo)*

**III. Thuận lợi, khó khăn trong công tác quản lý hoạt động kinh doanh theo phương thức đa cấp tại địa phương**

**IV. Kiến nghị, đề xuất**

*Nơi nhận:*

- Như trên;
- .....
- Lưu: .....

**GIÁM ĐỐC**

*(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)*

*Phụ lục I: Danh sách doanh nghiệp bán hàng đa cấp đang hoạt động tại địa phương trong kỳ báo cáo*

STT	Tên doanh nghiệp	Địa điểm hoạt động bán hàng đa cấp tại địa phương (nếu có)	Người liên hệ tại địa phương	Thời gian bắt đầu hoạt động tại địa phương

*Phụ lục II: Kết quả hoạt động của doanh nghiệp bán hàng đa cấp tại địa phương trong kỳ báo cáo*

TT	Tên doanh nghiệp	Doanh thu bán hàng đa cấp trên địa bàn trong năm báo cáo (triệu đồng)	Số lượng người tham gia bán hàng đa cấp tại địa phương	Số lượng người tham gia bán hàng đa cấp phát sinh mới tại địa phương	Số lượng người tham gia bán hàng đa cấp chấm dứt hợp đồng tại địa phương	Số lượng đào tạo cơ bản	Hoa hồng, tiền thưởng, lợi ích kinh tế khác trả cho người tham gia bán hàng đa cấp (triệu đồng)			Mua lại hàng hóa từ người tham gia BHĐC (triệu đồng)
							Tổng hoa hồng, tiền thưởng, lợi ích kinh tế đã nhận trong kỳ báo cáo	Giá trị khuyến mại quy đổi thành tiền trong kỳ báo cáo	Khấu trừ thuế thu nhập cá nhân	
<b>Tổng</b>										

*Phụ lục III: Số lượng hội nghị, hội thảo, đào tạo trong kỳ báo cáo*

Phụ lục III: Tổng hợp số lượng hội nghị, hội thảo, đào tạo trong kỳ báo cáo.....

TT	Tên doanh nghiệp	Xác nhận thông báo của Sở Công Thương		Ghi chú
		Số lượng hội nghị, hội thảo, đào tạo tổ chức 01 lần	Số lượng hội nghị, hội thảo, đào tạo tổ chức thường xuyên	
<b>Tổng</b>				

*Phụ lục IV: Tổng hợp kết quả thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm trong hoạt động bán hàng đa cấp tại địa phương trong kỳ báo cáo*

TT	Tên doanh nghiệp	Địa chỉ	Số quyết định xử phạt	Ngày ban hành quyết định xử phạt	Cơ quan xử phạt	Hành vi vi phạm	Số tiền phạt (triệu đồng)	Biện pháp xử lý khác
<b>Tổng</b>								